Mẫu số 40-DS
Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP
ngày 13 tháng 01 năm 2017

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MA** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 65/2022/QĐST - HNGĐ	*MA, ngày 08 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 90/2022/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 về việc *" Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Quốc Q, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Số nhà Y, tổ dân phố X, thị trấn MA, huyện MA, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Chị Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Số nhà Y, tổ dân phố X, thị trấn MA, huyện MA, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 71, 81, 82, 83, 84 và Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 7 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành 29 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Quốc Q và chị Nguyễn Ngọc A.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Trần Quốc Q và chị Nguyễn Ngọc A có 02 người con chung là cháu Trần Ngọc K, sinh ngày 14/6/2009 và cháu Trần Minh Q, sinh ngày 07/3/2019.

Anh Trần Quốc Q và chị Nguyễn Ngọc A đã thỏa thuận, thống nhất được với nhau về việc giao nuôi con chung: Anh Trần Quốc Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Trần Ngọc K cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; Chị Nguyễn Ngọc A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc

và giáo dục cháu Trần Minh Q cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời gian giao nuôi con chung bắt đầu tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Quốc Q và chị Nguyễn Ngọc A không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Quốc Q và chị Nguyễn Ngọc A có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản anh Q, chị A thực hiện quyền này.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung thu về: Anh Trần Quốc Q và chị Nguyễn Ngọc A không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Anh Trần Quốc Q tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Q đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện MA, tỉnh Điện Biên theo biên lai thu tiền số: 0009295 ngày 25 tháng 7 năm 2022. Anh Q được trả lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện MA;
- Chi cục THADS MA;
- UBND Phường H, TP. ĐBP, tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Phương